TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **1027**/2018/QĐST-HNGĐ	*Tân Phú, ngày 21 tháng 8 năm 2018.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 912/2018/TLST - HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: Bà Mai Thủy T, sinh năm 1991

Địa chỉ: Phường A, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Trọng K , sinh năm 1986

Thường trú: Xã B, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

Tạm trú: Phường D, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ cáo các Điều 55, 82, 83, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13 tháng 9 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13 tháng 9 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1.Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Bà Mai Thủy T, sinh năm 1991

Địa chỉ: Phường A, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Trọng K , sinh năm 1986

Thường trú: Xã B, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

Tạm trú: Phường D, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa bà Mai Thủy T và ông Nguyễn Trọng K. Quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông K theo giấy chứng nhận kết hôn số 213, quyển số 2/2012 do Ủy ban nhân dân phường A, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí

Minh cấp ngày 17/12/2012 chấm dứt kể từ ngày Quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Về quan hệ con chung: Giao cả hai con chung là trẻ Nguyễn Trọng P, sinh ngày 23/11/2012 và Nguyễn Trọng H, sinh ngày 19/11/2014 cho bà Mai Thủy T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông K đóng góp cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000đồng/tháng/02 trẻ (tức 1.000.000 đồng/ tháng/01 trẻ). Thực hiện việc cấp dưỡng vào ngày 10 dương lịch hàng tháng. Thi hành cấp dưỡng từ tháng 10/2018 cho đến khi các trẻ lần lượt trưởng thành.

Ông K có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở. Bà T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông K trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trong trường hợp ông K lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông K.

Trong trường hợp bà T không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì trên cơ sở lợi ích của con, ông K hoặc người thân thích, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo quy định tại Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2015.

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành tiền cấp dưỡng nuôi con, mà ông K chưa thi hành số tiền cấp dưỡng nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 150.000đồng án phí hôn nhân gia đình bà T chịu, được trừ vào số tiền 300.000đồng bà T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0011748 ngày 28/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Phú. Hoàn lại cho bà T số tiền 150.000 đồng theo biên lai thu trên. Ông K phải chịu 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.Tân Phú;
- UBND phường A;
- Chi cục THA.DS quận Tân Phú;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hương